

Bản án số: 60 /2020 /HC-PT

Ngày: 19 - 5 - 2020

V/v “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Phạm Việt Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 125/2020/TLPT-HC ngày 10 tháng 02 năm 2020 về “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 62/2019/HC- ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 560/2020/QĐPT-HC ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Ngô Văn A, sinh năm 1963; cư trú tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Ngô Văn C, sinh năm 1955; cư trú tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (Theo giấy ủy quyền ngày 21/10/2019); Có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định có ông Nguyễn Đình T,

Chủ tịch UBND huyện; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.2 Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; có ông Nguyễn Đình T, Chủ tịch UBND huyện; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.3 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có ông Huỳnh Thanh V, Chủ tịch UBND xã, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có ông Huỳnh Thanh V, Chủ tịch UBND xã, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện T, tỉnh Bình Định; Đại diện theo ủy quyền có ông Nguyễn Đình Hồng T, vắng mặt.

3.3 Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định; người đại diện theo ủy quyền có ông Lê Anh T, Phó phòng quản lý quy hoạch – xây dựng, có mặt.

3.4. Bà Trần Thị Q, sinh năm 1961; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.5. A Ngô Quốc H, sinh năm 1986; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.6. A Ngô Quốc T, sinh năm 1987; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.7. Chị Ngô Thị T, sinh năm 1990; có đơn xin xét xử vắng mặt

3.8. Chị Ngô Thị H, sinh năm 1992; có đơn xin xét xử vắng mặt

3.9. A Ngô Quốc Đ, sinh năm 1995; có đơn xin xét xử vắng mặt

Đồng cư trú tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

3.10. Chị Ngô Thị L, sinh năm 1982; cư trú tại tỉnh Bình Định; có đơn xin xét xử vắng mặt

3.11. A Ngô Quốc Đ, sinh năm 1984; cư trú tại tỉnh Bình Định; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Ngô Văn A, là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/3/2019 và quá trình tố tụng, người khởi kiện trình bày nội dung:

Diện tích đất đang khiếu kiện hiện nay có nguồn gốc do gia đình ông Ngô Văn A khai hoang trồng rau màu và cây chắn gió từ năm 1975. Khi có dự án trồng rừng PAM năm 1994, đã tham gia trồng được 8.000m² thuộc khoảnh số 1, lô 3, tiểu khu 298; trong tổng số hộ trồng là 62 hộ và 25,94ha. Do khi có đường 639 (năm 1997) cắt phần phía đông thành dự án trồng rừng khác, nên còn lại 3.661,9m², được thể hiện ở thửa đất số 55, theo bản đồ khu di dân dân vùng ngập lũ, triều cường thôn H, ban hành theo Quyết định số 2119/QĐ-CTUBND ngày 08/11/2012 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T. Ngoài phần diện tích 1.696,4m² đã được thu hồi sau khi bồi thường đất (15.000đ/m²), hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề (30.000đ/m²) và cây là 19.840đ/cây, phần diện tích còn lại ông

A đang có yêu cầu giải quyết là 1.965,5m². Với giới cận: phía bắc nằm kề ngoài khu di dân dân và đất của ông Ngô Văn X, phía nam là đất ông Trần Thanh S, phía đông giáp đường 639. Theo các văn bản của cấp huyện và xã, thì phần diện tích 1.965,5m² nằm trong thửa đất số 5, tờ bản đồ số 15, thuộc tiểu khu 297A. Cuối năm 2014 xảy ra việc tranh chấp đất giữa hộ ông Ngô Văn A và ông Huỳnh Văn H ở cùng thôn H và UBND xã P có Công văn số 06/UBND-ĐC ngày 25/2/2015 về việc trả lời giải quyết tranh chấp với nội dung: *“Việc các ông tranh chấp một số diện tích đất vị trí ở phía tây đường ĐT 639, phía bắc giáp đường quy hoạch khu dân cư di dân vùng ngập lũ, triều cường H, là không có cơ sở xem xét giải quyết. Bởi vì diện tích đất các ông tranh chấp theo hồ sơ địa chính đang quản lý tại UBND xã P thể hiện tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 15, loại đất rừng trồng sản xuất do UBND xã P quản lý; diện tích này đã được UBND tỉnh Bình Thuận giao cho Ban Quản lý Khu kinh tế N tại Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 24/7/2007 về việc giao đất cho Ban Quản lý khu kinh tế N (Nay là Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định) để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng các khu chức năng trong Khu kinh tế N và Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 16/10/2008 về việc thu hồi đất và giao đất cho Ban Quản lý Khu kinh tế N để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng khu chức năng trong Khu kinh tế N (lần 2) các ông không phải là chủ sử dụng đối với diện tích đất này. Hành vi chiếm đất xây dựng nhà ở trái phép của ông Huỳnh Văn H và một số hộ dân khác, UBND xã P đang tiến hành các thủ tục xử lý theo quy định pháp luật”*.

Ông A không đồng ý với Công văn số 06/UBND-ĐC ngày 25/02/2015 với lý do phần diện tích 1.965,5m² nằm trong thửa đất số 5, tờ bản đồ số 15, thuộc tiểu khu 297A nói trên là của gia đình ông A. Ngày 05/3/2015 ông A có đơn khiếu nại Công văn số 06/UBND-ĐC ngày 25/02/2015 đến Chủ tịch UBND xã P.

Ngày 17/4/2015 Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 52/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Văn A với nội dung: *“Công nhận nội dung công văn số 06/UBND-ĐC ngày 25/02/2015 của Chủ tịch UBND xã P là đúng quy định pháp luật”*.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết của UBND xã P, ngày 11/5/2015 ông A tiếp tục khiếu nại đến UBND huyện T; Ngày 24/01/2019 ông A mới nhận được Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Văn A (lần hai) với nội dung: *“Công nhận Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 52/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của Chủ tịch UBND xã P là đúng. Không công nhận nội dung đơn khiếu nại đề ngày 11/5/2015 của ông Ngô Văn A”*.

Không đồng ý với 02 Quyết định về việc giải quyết khiếu nại trên và cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên ngày 19/02/2019 và ngày 15/3/2019 ông A có đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P và công nhận quyền sử dụng đất

trên diện tích 1.965,5m² cho hộ gia đình ông thuộc loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm khác.

- Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện T và UBND huyện T, tỉnh Bình Định, ông Nguyễn Đình Thuận - Chủ tịch UBND huyện T trình bày:

- Về hồ sơ địa chính vị trí diện tích đất ông Ngô Văn A khiếu nại yêu cầu công nhận cho ông sử dụng tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định:

+ Theo hồ sơ địa chính chính quy lập năm 1993: Diện tích đất này thuộc rừng phòng hộ, không có giải thửa, do UBND xã P quản lý.

+ Theo hồ sơ địa chính lập năm 2013 (do đạc theo dự án Vlap): Thể hiện tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 15, diện tích 157.595.6m² loại đất rừng sản xuất, do UBND xã P quản lý, không có giải thửa cho từng hộ trồng rừng.

- Về nguồn gốc đất: Toàn bộ diện tích đất ông Ngô Văn A khiếu nại yêu cầu công nhận cho các ông sử dụng trước đây là đất bãi cát bồi, năm 1994 ông Ngô Văn A và nhiều hộ nhận giống cây phi lao từ Hợp tác xã Nông nghiệp II P để trồng rừng theo dự án PAM.

- Về dự án PAM: Các hộ chỉ nhận giống trồng rừng tại tiểu khu 298 và được nhận tiền, lương thực dựa trên diện tích nhận trồng tùy vào mỗi hộ. Đối tượng được xác định là chủ rừng quy định tại Điều 3 của Quyết định số 145/1998/QĐ-TTg ngày 15/8/1998 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách quản lý và sử dụng rừng trồng bằng nguồn vốn tài trợ của Chương trình lương thực thế giới (PAM), mặt khác diện tích này thuộc quy hoạch Khu kinh tế N. Do đó hộ ông A tham gia trồng rừng theo dự án PAM tại thôn H nhưng không phải chủ rừng. Nhà nước không giao đất bằng Quyết định hành chính hoặc bằng bất kỳ văn bản nào khác cho các hộ trồng rừng ở thôn H vào thời điểm triển khai chương trình trồng rừng PAM năm 1994, kể cả hộ ông A. Do đây là diện tích đất rừng phòng hộ do Nhà nước quản lý, các hộ chỉ tham gia nhận giống trồng rừng (cây phi lao) theo dự án PAM năm 1994, ông A không phải là chủ rừng nên không thuộc đối tượng nộp thuế hàng năm.

Năm 2012, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 22/8/2012 thu hồi một phần diện tích đất để xây dựng công trình Di dân dân vùng triều cường ngập lũ tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Đồng thời vị trí, diện tích đất nêu trên cũng đã được UBND tỉnh thu hồi và giao đất cho Ban quản lý Khu kinh tế N (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh) để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, các khu chức năng trong Khu kinh tế N tại Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 24/7/2007 và Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 16/10/2008.

Từ những cơ sở nêu trên, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Ngô Văn A và Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 về việc giải khiếu nại lần hai đối với ông Ngô Văn A là đúng quy

định pháp luật. Ông A yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.965,5m² cho hộ gia đình ông thuộc loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm khác là không có căn cứ theo quy định của pháp luật.

- *Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, ông Huỳnh Thanh Vương - Chủ tịch UBND xã P trình bày:*

- Về nguồn gốc và hiện trạng đất: Diện tích đất ông Ngô Văn A tranh chấp với ông Huỳnh Văn H tọa lạc tại thôn H, phía đông giáp đường ĐT 639, phía tây giáp khu dân cư hiện trạng, phía bắc giáp đường quy hoạch khu di dân dân ngập lũ triều cường H; trước đây là đồi cát, năm 1994 các hộ dân ở thôn H nhận giống phi lao trồng rừng theo dự án PAM, hiện trạng là rừng phi lao.

Theo hồ sơ địa chính năm 1993 diện tích đất này thuộc rừng phòng hộ, không có giải thửa, do UBND xã P quản lý.

Theo hồ sơ địa chính đo đạc theo dự án Vlap năm 2013 thể hiện tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 15, diện tích 157.595,6 m² loại đất rừng trồng sản xuất, không có giải thửa cho hộ trồng rừng.

Tại Quyết định số 145/1998/QĐ-TTg ngày 15/8/1998 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách quản lý và sử dụng rừng trồng bằng nguồn vốn tài trợ của chương trình lương thực thế giới PAM; theo đó năm 1994 các hộ nhận giống trồng rừng theo dự án PAM, nên các hộ không phải là chủ sử dụng đất đối với diện tích đất rừng trồng, mà đất là của Nhà nước do UBND xã P quản lý.

Theo Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 22/8/2012 của UBND tỉnh Bình Định về việc thu hồi đất và giao đất cho Ban quản lý dự án và đầu tư xây dựng huyện T để xây dựng công trình Di dân dân vùng ngập lũ triều cường tại xã P, huyện T; tại Điều 1 Quyết định có nêu *thu hồi 50.496,63 m² đất do UBND xã P quản lý, chưa giao quyền sử dụng đất và giao đất cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện T để xây dựng công trình Di dân dân vùng ngập lũ triều cường H.*

Căn cứ Công văn số 705/UBND-TNMT ngày 08/10/2012 của UBND huyện T về việc xác định loại đất, hạng đất nông nghiệp để áp giá bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình Di dân dân vùng ngập lũ triều cường H - P; theo nội dung công văn UBND huyện T chỉ cho chủ trương tính toán áp giá bồi thường, hỗ trợ đất phạm vi công trình Di dân dân vùng ngập lũ triều cường H thuộc nhóm đất nông nghiệp, loại đất trồng cây lâu năm; hạng 5; không phải công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất các hộ trồng rừng PAM năm 1994 (trong đó có diện tích hiện nay ông Ngô Văn C, Ngô Văn A, Trần Thanh S đang tranh chấp với ông Huỳnh Văn H).

Vị trí đất này UBND tỉnh Bình Định đã thu hồi và giao cho Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định để Ban quản lý khu kinh tế thực hiện các dự án đầu tư xây dựng các khu chức năng tại Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 24/7/2007 và Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 16/10/2008.

Từ những căn cứ trên, UBND xã P khẳng định Văn bản số 06/UBND-ĐC ngày 25/02/2015 và Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của Chủ tịch UBND xã P đối với Ngô Văn A là hoàn toàn đúng theo quy định pháp luật.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện T, ông Nguyễn Đình Hồng Thoại - Phó Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện T trình bày:*

Căn cứ văn bản số 1053/UBND-NN ngày 15/4/2009 của UBND tỉnh Bình Định về việc lập dự án đầu tư công trình: Di dân dân vùng ngập lũ triều cường H, huyện T; Căn cứ Quyết định số 1831/QĐ-CTUBND ngày 13/8/2009 của Chủ tịch UBND huyện T về việc phê duyệt thiết kế quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 công trình: Quy hoạch khu dân cư thôn H, xã P, huyện T; Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-CTUBND ngày 26/4/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc thu hồi đất và giao đất cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện T để xây dựng công trình Di dân dân vùng ngập lũ triều cường tại xã P, huyện Tuy Phước. Căn cứ Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 22/8/2012 của UBND tỉnh Bình Định về thu hồi đất và giao đất cho Ban quản lý dự án và đầu tư xây dựng huyện T để xây dựng công trình Di dân dân vùng ngập lũ triều cường tại xã P huyện T. Ban quản lý dự án huyện T khẳng định việc triển khai thi công công trình Di dân dân vùng ngập lũ triều cường tại xã P, huyện T thi công trong phần đất được UBND huyện phê duyệt quy hoạch và UBND tỉnh giao đất cho Ban quản lý thực hiện xây dựng công trình. Việc khiếu nại của ông Ngô Văn A khiếu nại các Quyết định giải quyết khiếu nại số 52/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của Chủ tịch UBND xã P không thuộc diện tích giao cho Ban quản lý dự án thực hiện.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý khu kinh tế tỉnh, Ông Lê A Tuấn - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Quản lý QHXD, thuộc Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định trình bày:*

Vị trí thửa đất mà ông A khởi kiện có giới cận cụ thể như sau: phía Đông giáp tuyến đường ĐT639, phía Tây giáp Khu dân cư hiện trạng, phía Nam giáp với rừng phi lao, phía Bắc giáp với đường quy hoạch khu di dân ngập lũ triều cường. Khu vực này thuộc địa bàn Khu kinh tế N. Theo quy hoạch chung Khu kinh tế N đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 142/2005/QĐ-TTg ngày 14/6/2005 thì khu vực này là đất cây xanh sinh thái, đã được UBND tỉnh giao cho Ban Quản lý khu kinh tế để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng các khu chức năng trong Khu kinh tế N tại các Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 24/7/2007 và Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 16/10/2008. Hiện nay Ban Quản lý Khu kinh tế chưa thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khu vực này.

Theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế N đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 514/QĐ-TTg ngày 08/5/2019 thì khu vực này thuộc phân khu 2 (Khu đô thị cửa ngõ Cát Tiên), được quy hoạch đất ở. Thời gian tới Ban Quản lý Khu kinh tế sẽ tổ chức lập đồ án quy hoạch phân khu để làm cơ sở thu hút đầu tư và quản lý nhà nước theo quy định.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Q, anh Ngô Quốc H, anh Ngô Quốc T, chị Ngô Thị T, chị Ngô Thị H, anh Ngô Quốc Đ, chị Ngô Thị L và anh Ngô Quốc Đ đều trình bày:*

Tất cả đều thống nhất như nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn A; ngoài ra, không có trình bày nào khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Huỳnh Văn H trình bày:* Ông H đang quản lý và sử dụng 02 thửa đất số 62 và 63, tờ bản đồ số 1 tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định còn việc tranh chấp đất với ông Ngô Văn A tại thửa số 55 nói trên thì ông H không biết và cũng không tranh chấp gì với ông A. Do đó, ông H không liên quan gì về việc khởi kiện của ông A.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 62/2019/HC- ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Căn cứ vào quy định tại các Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ quy định tại Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Thông tư số 60/2014/TT-BCA ngày 18/11/2014 của Bộ Công an; Luật đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn A về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P và công nhận quyền sử dụng đất trên diện tích 1.965,5m² cho hộ gia đình ông Ngô Văn A thuộc loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm khác.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04-11-2019 người khởi kiện ông Ngô Văn A kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm hoặc chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định về tố tụng hành chính; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] *Về nội dung khởi kiện:* Ngày 17/4/2015, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 52/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và ngày 14/9/2015 Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 4528/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Ngô Văn A.

Ngày 19/02/2019 ông A có đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P; đồng thời đề nghị công nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.965,5m² tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định cho hộ gia đình ông thuộc loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm khác.

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã xét xử sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn A.

[2] *Xét kháng cáo:*

[2.1]. *Xem xét về tính hợp pháp và có căn cứ của các Quyết định hành chính bị khởi kiện:* Các Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P và Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T là giải quyết khiếu nại lần 1 và lần 2 trong lĩnh vực quản lý đất đai khi người khiếu nại là ông A không đồng ý với việc Nhà nước không công nhận diện tích đất nói trên là của ông A.

Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P được ban hành đúng quy định của pháp luật được quy định tại Điều 31, Điều 40 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011.

Xem xét về nguồn gốc đất: Theo hồ sơ địa chính chính quy lập năm 1993 thì diện tích đất này thuộc rừng phòng hộ, không có giải thửa, do UBND xã P quản lý.

Theo hồ sơ địa chính lập năm 2013 (đo đạc theo dự án Vlap): Thể hiện tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 15, diện tích 157.595.6m² loại đất trồng rừng sản xuất, do UBND xã P quản lý, không có giải thửa cho từng hộ trồng rừng.

Toàn bộ diện tích đất ông A khiếu nại yêu cầu công nhận cho ông sử dụng trước đây là đất bãi cát bồi, năm 1994 ông Ngô Văn A và nhiều hộ dân khác nhận giống cây Phi lao từ Hợp tác xã Nông nghiệp II P để trồng rừng theo dự án PAM. Do đây là diện tích đất rừng phòng hộ do Nhà nước quản lý, các hộ chỉ tham gia nhận giống trồng rừng (cây phi lao) theo dự án PAM năm 1994, ông A không phải là chủ rừng nên không thuộc đối tượng nộp thuế hàng năm. Ông A cũng chưa đăng ký kê khai sử dụng đất. Như vậy ông A không có căn cứ về quyền sử dụng đất.

Năm 2012, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 22/8/2012 thu hồi một phần diện tích đất để xây dựng công trình: Di dân dân vùng triều cường ngập lũ tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Đồng thời vị trí, diện tích đất nêu trên cũng đã được UBND tỉnh thu hồi và giao đất cho Ban quản lý Khu kinh tế N (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh) để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, các khu chức năng trong Khu kinh tế N tại Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 24/7/2007 và Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 16/10/2008.

Như vậy, đất mà ông A khiếu nại là thuộc UBND xã P quản lý. Đồng thời, hiện tại thửa đất nói trên cũng đã được UBND tỉnh thu hồi và giao cho Ban quản lý khu kinh tế tỉnh quản lý.

Hiện nay, diện tích 1.965,5m² đất mà hộ ông A trồng rừng (cây phi lao) Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định chưa triển khai giải phóng mặt bằng và đền bù giải tỏa, mà hiện nay hộ ông A vẫn còn quản lý khai thác thu hoạch cây phi lao. Như vậy do Ban quản lý khu kinh tế tỉnh chưa làm đến nên chưa bồi thường cho hộ ông A. Diện tích 1.965,5m² đất hộ gia đình ông Ngô Văn A đang sử dụng sẽ được xem xét bồi thường, hỗ trợ khi có quyết định thu hồi đất cụ thể cho từng đối tượng theo quy định của Luật đất đai.

Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P ban hành Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 là có cơ sở.

[2.2]. Về yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất trên diện tích 1.965,5m² cho hộ gia đình ông A thuộc loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm:

Do ông Ngô Văn A chưa đăng ký kê khai sử dụng đất; việc sử dụng đất trồng cây phi lao của ông A trên diện tích đất này là trồng cây theo dự án PAM của nhà nước nên không phải là chủ rừng trồng, không có căn cứ sử dụng đất nên yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất trên diện tích 1.965,5m² cho hộ gia đình ông A thuộc loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm khác không được chấp nhận là có cơ sở.

Từ những căn cứ nói trên, xét thấy Bản án hành chính sơ thẩm xử không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông A gồm: yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, hủy Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất trên diện tích 1.965,5m² cho hộ gia đình ông Ngô Văn A thuộc loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm khác là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm không có chứng cứ gì mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Kháng cáo của Người khởi kiện không được chấp nhận, người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của ông Ngô Văn A và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 62/2019/HC- ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn A gồm: yêu cầu hủy Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, yêu cầu hủy Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất trên diện tích 1.965,5m² tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định cho hộ gia đình ông Ngô Văn A.

3. Án phí: ông A phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003779 ngày 31/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THA dân sự tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Long